

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 9 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Gói thầu “Bảo trì hệ thống điện nặng tại Bệnh viện Ung Bướu năm 2026-2028”

Kính gửi: Các đơn vị / Nhà cung cấp

Bệnh viện Ung Bướu có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu “Bảo trì hệ thống điện nặng tại Bệnh viện Ung Bướu năm 2026-2028” theo nội dung như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Ung Bướu. Địa chỉ: số 12 đường 400, phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Thành phần hồ sơ:

- Báo giá có ký và đóng dấu của đơn vị.
- Hồ sơ năng lực nhà thầu (nếu có).
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 60 ngày, kể từ ngày phát hành.

3. Thông tin liên hệ:

- Họ tên: Nguyễn Hữu Danh.
- Chức vụ: Chuyên viên – Phòng Hành chính quản trị.
- Số điện thoại: 0987474023.
- Địa chỉ email: baogiahcqt@gmail.com

4. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Bản giấy nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Hành chính quản trị (lầu 3) – Bệnh viện Ung Bướu. Địa chỉ: số 12 đường 400, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh.
- Đồng thời, nhà cung cấp gửi bản mềm báo giá và năng lực nhà thầu (nếu có) qua email: baogiahcqt@gmail.com

5. Thời hạn tiếp nhận báo giá: kể từ ngày đăng thông báo đến trước 15 giờ ngày 08 tháng 9 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.



II. Nội dung yêu cầu báo giá

Cung cấp bảng báo giá có hiệu lực của gói thầu “Bảo trì hệ thống điện năng tại Bệnh viện Ung Bướu năm 2026-2028” với nội dung, khối lượng công việc đính kèm.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Các đơn vị có quan tâm;
- Lưu: VT, HCQT (NHD).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Thiện Quỳnh Như





DANH MỤC HÀNG HÓA

Bảo trì hệ thống điện năng tại Bệnh viện Ung Bướu năm 2026-2028

(Đính kèm theo yêu cầu báo giá ngày 03 tháng 9 năm 2026)

STT	Danh mục dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Số lần bảo trì (6 tháng/lần)
1	Hệ thống trung thế - máy biến áp			
1.1	Tủ trung thế: 2 lộ vào với VCB 630A, 24kV, 2 lộ đo đếm trung thế, 1 lộ khóa ATS VCB 630A, 24kV	1	Bộ	4
1.2	Máy biến áp: 3P 22KV/0.4KV-2000KVA	5	Bộ	4
1.3	Máy biến áp: 3P 22KV/0.4KV-1000KVA	1	Bộ	4

Hệ thống điện hạ thế:

STT	Danh mục dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Số lần bảo trì (3 tháng/lần)
1	Hệ thống tủ điện khối nhà FM			
1.1	Hệ thống tủ điện - Tầng hầm			
1.1.1	Tủ điện DB-FM/B	1	Tủ	8
1.2	Hệ thống tủ điện - Tầng 1			
1.2.1	Tủ điện MSB-1	1	Tủ	8
1.2.2	Tủ điện EMSB-1	1	Tủ	8
1.2.3	Tủ điện MSB-2	1	Tủ	8
1.2.4	Tủ điện EMSB-2	1	Tủ	8
1.2.5	Tủ điện MSB-CH2	1	Tủ	8
1.2.6	Tủ điện DB-FM-L1	1	Tủ	8
1.2.7	Tủ điện DB-FM-SP.01 PANEL	1	Tủ	8
1.2.8	Tủ điện DB-FM-SP.02 PANEL	1	Tủ	8
1.2.9	Tủ điện DB-FM-FAN	1	Tủ	8
1.3	Hệ thống tủ điện - Tầng 2			
1.3.1	Tủ điện MSB-CH1	1	Tủ	8
1.3.2	Tủ điện DB-FM/L2	1	Tủ	8
2	Hệ thống tủ điện 02 khối nhà			
2.1	Hệ thống tủ điện - Tầng hầm 2			
2.1.1	Tủ điện DB-FCB-B2-1	1	Tủ	8
2.1.2	Tủ điện DB-FCB-B2-1	1	Tủ	8
2.1.3	Tủ điện DB-FCB-B2-1	1	Tủ	8
2.1.4	Tủ điện DB-FCB-B2-1	1	Tủ	8
2.1.5	Tủ điện DB2-B2/LP	1	Tủ	8
2.1.5	Tủ điện DB2-B2/ELP	1	Tủ	8
2.1.6	Tủ điện DB2-B2/SP.1 PANEL	1	Tủ	8
2.1.7	Tủ điện DB2-B2/SP.2 PANEL	1	Tủ	8

STT	Danh mục dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Số lần bảo trì (3 tháng/lần)
2.1.8	Tủ điện DB2-B2/SP.3 PANEL	1	Tủ	8
2.1.9	Tủ điện DB2-B2/SP.4 PANEL	1	Tủ	8
2.1.10	Tủ điện DB2-B2/SPX	1	Tủ	8
2.1.11	Tủ điện DB2-B2/SP5	1	Tủ	8
2.1.12	Tủ điện FSDB2-JFAN	1	Tủ	8
2.1.13	Tủ điện DB-FCB-B2-1	1	Tủ	8
2.2	Hệ thống tủ điện - Tầng hầm 1			
2.2.1	Tủ điện MDB-1	1	Tủ	8
2.2.2	Tủ điện EMDB-1	1	Tủ	8
2.2.3	Tủ điện MDB-2	1	Tủ	8
2.2.4	Tủ điện EMDB-2	1	Tủ	8
2.2.5	Tủ điện FSDB-1	1	Tủ	8
2.2.6	Tủ điện FSDB-2	1	Tủ	8
2.2.7	Tủ điện DB1-B1/LP	1	Tủ	8
2.2.8	Tủ điện DB1-B1/ELP	1	Tủ	8
2.2.9	Tủ điện DB2-B1/LP	1	Tủ	8
2.2.10	Tủ điện DB2-B1/ELP	1	Tủ	8
2.2.11	Tủ điện DB-FCP-B1-1	1	Tủ	8
2.2.12	Tủ điện DB-FCP-B1-2	1	Tủ	8
2.2.13	Tủ điện DB-SEVER	1	Tủ	8
2.2.14	Tủ điện DB-PDU	1	Tủ	8
2.2.15	Tủ điện DB1-B1/VLPX/ELP	1	Tủ	8
2.2.16	Tủ điện DB1-B1/VLPX/LP	1	Tủ	8
2.2.17	Tủ điện DB1-B1/VLPX/UP	1	Tủ	8
2.2.18	Tủ điện DB2-B1/TTTL/LP	1	Tủ	8
2.2.19	Tủ điện DB2-B1/TTTL/ELP	1	Tủ	8
2.2.20	Tủ điện DB2-B1/TTTL/UP	1	Tủ	8
2.2.21	Tủ điện DB1-B1/CYC/FAN	1	Tủ	8
2.2.22	Tủ điện DB1-B1/YHNN/FAN	1	Tủ	8
2.2.23	Tủ điện DB1-B1/VLPX/FAN	1	Tủ	8
2.2.24	Tủ điện DB2-B1/GEN2/FAN	1	Tủ	8
2.2.25	Tủ điện DB2-B1/KD/FAN	1	Tủ	8
2.2.26	Tủ điện DB1-B1/WASH/FAN	1	Tủ	8
2.2.27	Tủ điện DB1-B1/WASH/LP	1	Tủ	8
2.2.28	Tủ điện DB2-B1/TTTL/FAN	1	Tủ	8
2.2.29	Tủ điện DB1-B1/GEN1/LP	1	Tủ	8
2.2.30	Tủ điện DB1-B1/GEN1/ELP	1	Tủ	8
2.2.31	Tủ điện DB2-B1/GEN2/LP	1	Tủ	8
2.2.32	Tủ điện DB2-B1/GEN2/ELP	1	Tủ	8
2.2.33	Tủ điện DB1-B1/YHHN/LP	1	Tủ	8

STT	Danh mục dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Số lần bảo trì (3 tháng/lần)
2.2.34	Tủ điện DB1-B1/YHHN/UP	1	Tủ	8
2.2.35	Tủ điện DB1-B1/CYC/ELP	1	Tủ	8
2.2.36	Tủ điện DB1-B1/CYC/LP	1	Tủ	8
2.2.37	Tủ điện DB1-B1/CYC/UP	1	Tủ	8
2.2.38	Tủ điện DB2-B1/KD/ELP	1	Tủ	8
2.2.39	Tủ điện DB2-B1/KD/LP	1	Tủ	8
2.2.40	Tủ điện DB2-B1/KD/UP	1	Tủ	8
2.2.41	Tủ điện DB1-B1/SP.06 PANEL	1	Tủ	8
2.2.42	Tủ điện DB1-B1/SP.05.1 PANEL	1	Tủ	8
2.2.43	Tủ điện DB1-B1/SP.05.2 PANEL	1	Tủ	8
2.2.44	Tủ điện DB1-B1/HRP	1	Tủ	8
2.2.45	Tủ điện DB2-B1/HRP	1	Tủ	8
2.2.46	Tủ điện DB2-B1/PRT	1	Tủ	8
2.3	Hệ thống tủ điện - Tầng 1			
2.3.1	Tủ điện DB1-L1/LP	1	Tủ	8
2.3.2	Tủ điện DB1-L1/ELP	1	Tủ	8
2.3.3	Tủ điện DB2-L1/LP	1	Tủ	8
2.3.4	Tủ điện DB2-L1/ELP	1	Tủ	8
2.3.5	Tủ điện DB1-L1/CC/LP	1	Tủ	8
2.3.6	Tủ điện DB1-L1/CC/ELP	1	Tủ	8
2.3.7	Tủ điện DB1-L1/CC/UP	1	Tủ	8
2.3.8	Tủ điện DB1-L1/GEN1/LP	1	Tủ	8
2.3.9	Tủ điện DB1-L1/GEN1/ELP	1	Tủ	8
2.3.10	Tủ điện DB1-L1/GEN1/FAN	1	Tủ	8
2.3.11	Tủ điện DB1-L1/PK1/LP	1	Tủ	8
2.3.12	Tủ điện DB1-L1/PK1/ELP	1	Tủ	8
2.3.13	Tủ điện DB1-L1/PK1/UP	1	Tủ	8
2.3.14	Tủ điện DB1-L1/PK1/FAN	1	Tủ	8
2.3.15	Tủ điện DB1-L1/PK2/LP	1	Tủ	8
2.3.16	Tủ điện DB1-L1/PK2/ELP	1	Tủ	8
2.3.17	Tủ điện DB1-L1/PK2/UP	1	Tủ	8
2.3.18	Tủ điện DB1-L1/PK2/FAN	1	Tủ	8
2.3.19	Tủ điện DB-FCP-L1-1	1	Tủ	8
2.3.20	Tủ điện DB1-L1/XN/LP	1	Tủ	8
2.3.21	Tủ điện DB1-L1/XN/ELP	1	Tủ	8
2.3.22	Tủ điện DB1-L1/XN/UP	1	Tủ	8
2.3.23	Tủ điện DB1-L1/XN/FAN	1	Tủ	8
2.3.24	Tủ điện DB1-L1/CHTL/ELP	1	Tủ	8
2.3.25	Tủ điện DB2-L1/CĐHA1/LP	1	Tủ	8
2.3.26	Tủ điện DB2-L1/CĐHA1/ELP	1	Tủ	8

STT	Danh mục dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Số lần bảo trì (3 tháng/lần)
2.3.27	Tủ điện DB2-L1/CĐHA1/UP	1	Tủ	8
2.3.28	Tủ điện DB2-L1/CĐHA1/FAN	1	Tủ	8
2.3.29	Tủ điện DB2-L1/CĐHA2/LP	1	Tủ	8
2.3.30	Tủ điện DB2-L1/CĐHA2/ELP	1	Tủ	8
2.3.31	Tủ điện DB2-L1/CĐHA2/UP	1	Tủ	8
2.3.32	Tủ điện DB2-L1/CĐHA2/FAN	1	Tủ	8
2.3.33	Tủ điện DB-FCB-L1-2	1	Tủ	8
2.3.34	Tủ điện DB2-L1/W3/LP	1	Tủ	8
2.3.35	Tủ điện DB2-L1/W3/ELP	1	Tủ	8
2.3.36	Tủ điện DB2-L1/W3/UP	1	Tủ	8
2.3.37	Tủ điện DB2-L1/W3/FAN	1	Tủ	8
2.3.38	Tủ điện DB2-L1/W4/LP	1	Tủ	8
2.3.39	Tủ điện DB2-L1/W4/ELP	1	Tủ	8
2.3.40	Tủ điện DB2-L1/W4/UP	1	Tủ	8
2.3.41	Tủ điện DB2-L1/W4/FAN	1	Tủ	8
2.3.42	Tủ điện DB2-L1/GEN2/LP	1	Tủ	8
2.3.43	Tủ điện DB2-L1/GEN2/ELP	1	Tủ	8
2.3.44	Tủ điện DB2-L1/GEN2/FAN	1	Tủ	8
2.3.45	Tủ điện DB-OT1	1	Tủ	8
2.3.46	Tủ điện DB-OT2	1	Tủ	8
2.3.47	Tủ điện DB1-L1/FCC/ELP	1	Tủ	8
2.3.48	Tủ điện DB1-L1/CC/FAN	1	Tủ	8
2.4	Hệ thống tủ điện - Tầng 2			
2.4.1	Tủ điện DB1-L2/LP	1	Tủ	8
2.4.2	Tủ điện DB1-L2/ELP	1	Tủ	8
2.4.3	Tủ điện DB2-L2/LP	1	Tủ	8
2.4.4	Tủ điện DB2-L2/ELP	1	Tủ	8
2.4.5	Tủ điện DB-L2/W3/LP	1	Tủ	8
2.4.6	Tủ điện DB-L2/W3/ELP	1	Tủ	8
2.4.7	Tủ điện DB-L2/W4/LP	1	Tủ	8
2.4.8	Tủ điện DB-L2/W4/ELP	1	Tủ	8
2.4.9	Tủ điện DB1-L2/GEN1/LP	1	Tủ	8
2.4.10	Tủ điện DB1-L2/GEN1/ELP	1	Tủ	8
2.4.11	Tủ điện DB1-L2/GEN1/FAN	1	Tủ	8
2.4.12	Tủ điện DB1-L2/PK.ĐT/LP	1	Tủ	8
2.4.13	Tủ điện DB1-L2/PK.ĐT/ELP	1	Tủ	8
2.4.14	Tủ điện DB1-L2/PK.ĐT/UP	1	Tủ	8
2.4.15	Tủ điện DB1-L2/PK.ĐT/FAN	1	Tủ	8
2.4.16	Tủ điện DB-FCB-L2-1	1	Tủ	8
2.4.17	Tủ điện DB-L2/DP/LP	1	Tủ	8

STT	Danh mục dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Số lần bảo trì (3 tháng/lần)
2.4.18	Tủ điện DB-L2/DP/ELP	1	Tủ	8
2.4.19	Tủ điện DB1-L2/PK/FAN	1	Tủ	8
2.4.20	Tủ điện DB2-L2/W3/FAN	1	Tủ	8
2.4.21	Tủ điện DB2-L2/W4/FAN	1	Tủ	8
2.4.22	Tủ điện DB2-L2/GEN2/ELP	1	Tủ	8
2.4.23	Tủ điện DB2-L2/W3/UP	1	Tủ	8
2.4.24	Tủ điện DB2-L2/W4/UP	1	Tủ	8
2.4.25	Tủ điện DB1-L2/HS/LP	1	Tủ	8
2.4.26	Tủ điện DB1-L2/HS/ELP	1	Tủ	8
2.4.27	Tủ điện DB1-L2/HS/UP	1	Tủ	8
2.4.28	Tủ điện DB1-L2/ICU/LP	1	Tủ	8
2.4.29	Tủ điện DB1-L2/ICU/ELP	1	Tủ	8
2.4.30	Tủ điện DB1-L2/ICU1/UP	1	Tủ	8
2.4.31	Tủ điện DB1-L2/ICU2/UP	1	Tủ	8
2.4.32	Tủ điện DB1-L2/PK/LP	1	Tủ	8
2.4.33	Tủ điện DB1-L2/PK/ELP	1	Tủ	8
2.4.34	Tủ điện DB1-L2/PK/UP	1	Tủ	8
2.4.35	Tủ điện DB1-L2/NS/LP	1	Tủ	8
2.4.36	Tủ điện DB1-L2/NS/ELP	1	Tủ	8
2.4.37	Tủ điện DB1-L2/NS1/UP	1	Tủ	8
2.4.38	Tủ điện DB1-L2/NS2/UP	1	Tủ	8
2.4.39	Tủ điện DB2-L2/TBG/UP	1	Tủ	8
2.4.40	Tủ điện DB2-L2/PT1/ELP	1	Tủ	8
2.4.41	Tủ điện DB2-L2/PT1/UP	1	Tủ	8
2.4.42	Tủ điện DB2-L2/PT2/ELP	1	Tủ	8
2.4.43	Tủ điện DB2-L2/PT2/UP	1	Tủ	8
2.4.44	Tủ điện DB2-L2/PT3/ELP	1	Tủ	8
2.4.45	Tủ điện DB2-L2/PT3/UP	1	Tủ	8
2.4.46	Tủ điện DB2-L2/PT4/ELP	1	Tủ	8
2.4.47	Tủ điện DB2-L2/PT4/UP	1	Tủ	8
2.4.48	Tủ điện DB1-L2/NS/LP	1	Tủ	8
2.4.49	Tủ điện DB1-L2/TBG/ELP	1	Tủ	8
2.4.50	Tủ điện DB1-L2/TBG/LP	1	Tủ	8
2.4.51	Tủ điện DB1-L2/NS/FAN	1	Tủ	8
2.4.52	Tủ điện DB1-L2/TBG/FAN	1	Tủ	8
2.4.53	Tủ điện DB2-L2/PT4/FAN	1	Tủ	8
2.4.54	Tủ điện DB2-L2/NS/FAN	1	Tủ	8
2.5	Hệ thống tủ điện - Tầng 3			
2.5.1	Tủ điện DB1-L3/LP	1	Tủ	8
2.5.2	Tủ điện DB1-L3/ELP	1	Tủ	8

STT	Danh mục dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Số lần bảo trì (3 tháng/lần)
2.5.3	Tủ điện DB2-L3/LP	1	Tủ	8
2.5.4	Tủ điện DB2-L3/ELP	1	Tủ	8
2.5.5	Tủ điện DB1-L3/HS/LP	1	Tủ	8
2.5.6	Tủ điện DB1-L2/HS/ELP	1	Tủ	8
2.5.7	Tủ điện DB1-L3/TBI/LP	1	Tủ	8
2.5.8	Tủ điện DB1-L3/HT/LP	1	Tủ	8
2.5.9	Tủ điện DB1-L3/HT/ELP	1	Tủ	8
2.5.10	Tủ điện DB1-L3/HC/LP	1	Tủ	8
2.5.11	Tủ điện DB1-L3/DD/LP	1	Tủ	8
2.5.12	Tủ điện DB1-L3/DD/ELP	1	Tủ	8
2.5.13	Tủ điện DB1-L3/GEN1/LP	1	Tủ	8
2.5.14	Tủ điện DB1-L3/GEN1/ELP	1	Tủ	8
2.5.15	Tủ điện DB1-L3/GEN2/ELP	1	Tủ	8
2.5.16	Tủ điện DB2-L3/W3/LP	1	Tủ	8
2.5.17	Tủ điện DB2-L3/W3/ELP	1	Tủ	8
2.5.18	Tủ điện DB2-L3/W4/LP	1	Tủ	8
2.5.19	Tủ điện DB2-L3/W4/ELP	1	Tủ	8
2.5.20	Tủ điện DB2-L3/AHU/ELP	1	Tủ	8
2.5.21	Tủ điện DB1-L3/HS/LP/FAN	1	Tủ	8
2.5.22	Tủ điện DB1-L3/SH/FAN	1	Tủ	8
2.5.23	Tủ điện DB1-L3/DD/FAN	1	Tủ	8
2.5.24	Tủ điện DB1-L3/HC/FAN	1	Tủ	8
2.5.25	Tủ điện DB1-L3/HT/FAN	1	Tủ	8
2.5.26	Tủ điện DB2-L3/W3/FAN	1	Tủ	8
2.5.27	Tủ điện DB-FCP-L3-1	1	Tủ	8
2.5.28	Tủ điện DB2-L3/W4/FAN	1	Tủ	8
2.5.29	Tủ điện DB2-L3/GEN2/FAN	1	Tủ	8
2.5.30	Tủ điện DB1-L3/SH/LP	1	Tủ	8
2.5.31	Tủ điện DB1-L3/SH/ELP	1	Tủ	8
2.5.32	Tủ điện DB1-L3/SH/UP	1	Tủ	8
2.5.33	Tủ điện DB2-L3/VLTL/LP	1	Tủ	8
2.5.34	Tủ điện DB2-L3/VLTL/ELP	1	Tủ	8
2.5.35	Tủ điện DB2-L3/VLTL/UP	1	Tủ	8
2.5.36	Tủ điện DB2-L3/W3/UP	1	Tủ	8
2.5.37	Tủ điện DB2-L3/W4/UP	1	Tủ	8
2.5.38	Tủ điện DB-AHU-L3-HS	1	Tủ	8
2.5.39	Tủ điện DB-AHU-L3-XN	1	Tủ	8
2.5.40	Tủ điện DB2-L3/VLTL/FAN	1	Tủ	8
2.6	Hệ thống tủ điện - Tầng 4			
2.6.1	Tủ điện DB1-L4/LP	1	Tủ	8

STT	Danh mục dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Số lần bảo trì (3 tháng/lần)
2.6.2	Tủ điện DB1-L4/ELP	1	Tủ	8
2.6.3	Tủ điện DB2-L4/LP	1	Tủ	8
2.6.4	Tủ điện DB2-L4/ELP	1	Tủ	8
2.6.5	Tủ điện DB1-L4/W1/LP	1	Tủ	8
2.6.6	Tủ điện DB1-L4/W1/ELP	1	Tủ	8
2.6.7	Tủ điện DB1-L4/W1/UP	1	Tủ	8
2.6.8	Tủ điện DB1-L4/W2/LP	1	Tủ	8
2.6.9	Tủ điện DB1-L4/W2/ELP	1	Tủ	8
2.6.10	Tủ điện DB1-L4/W2/UP	1	Tủ	8
2.6.11	Tủ điện DB2-L4/W3/LP	1	Tủ	8
2.6.12	Tủ điện DB2-L4/W3/ELP	1	Tủ	8
2.6.13	Tủ điện DB2-L4/W3/UP	1	Tủ	8
2.6.14	Tủ điện DB2-L4/W4/LP	1	Tủ	8
2.6.15	Tủ điện DB2-L4/W4/ELP	1	Tủ	8
2.6.16	Tủ điện DB2-L4/W4/UP	1	Tủ	8
2.6.17	Tủ điện DB1-CQ4/LP	1	Tủ	8
2.6.18	Tủ điện DB1-PLIFT	1	Tủ	8
2.6.19	Tủ điện DB1-SLIFT	1	Tủ	8
2.6.20	Tủ điện DB1-L4/GEN1/ELP	1	Tủ	8
2.6.21	Tủ điện DB1-L4/GEN2/ELP	1	Tủ	8
2.6.22	Tủ điện DB1-L4/W1/LP/FAN	1	Tủ	8
2.6.23	Tủ điện DB1-L4/W2/LP/FAN	1	Tủ	8
2.6.24	Tủ điện DB1-L4/GEN1/ELP/FAN	1	Tủ	8
2.6.25	Tủ điện DB1-L4/W3/LP/FAN	1	Tủ	8
2.6.26	Tủ điện DB1-L4/W4/LP/FAN	1	Tủ	8
2.6.27	Tủ điện DB1-L4/GEN2/ELP/FAN	1	Tủ	8
2.6.28	Tủ điện DB-FCB-L4-1	1	Tủ	8
2.6.29	Tủ điện DB-FCB-L4-1	1	Tủ	8
2.6.30	Tủ điện DB-FCB-L4-1	1	Tủ	8
2.7	Hệ thống tủ điện - Tầng 5			
2.7.1	Tủ điện DB1-L5/LP	1	Tủ	8
2.7.2	Tủ điện DB1-L5/ELP	1	Tủ	8
2.7.3	Tủ điện DB2-L5/LP	1	Tủ	8
2.7.4	Tủ điện DB2-L5/ELP	1	Tủ	8
2.7.5	Tủ điện DB1-L5/W1/LP	1	Tủ	8
2.7.6	Tủ điện DB1-L5/W1/ELP	1	Tủ	8
2.7.7	Tủ điện DB1-L5/W1/UP	1	Tủ	8
2.7.8	Tủ điện DB1-L5/W2/LP	1	Tủ	8
2.7.9	Tủ điện DB1-L5/W2/ELP	1	Tủ	8
2.7.10	Tủ điện DB1-L5/W2/UP	1	Tủ	8

STT	Danh mục dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Số lần bảo trì (3 tháng/lần)
2.7.11	Tủ điện DB2-L5/W3/LP	1	Tủ	8
2.7.12	Tủ điện DB2-L5/W3/ELP	1	Tủ	8
2.7.13	Tủ điện DB2-L5/W3/UP	1	Tủ	8
2.7.14	Tủ điện DB2-L5/W4/LP	1	Tủ	8
2.7.15	Tủ điện DB2-L5/W4/ELP	1	Tủ	8
2.7.16	Tủ điện DB2-L5/W4/UP	1	Tủ	8
2.7.17	Tủ điện DB1-L5/GEN1/ELP	1	Tủ	8
2.7.18	Tủ điện DB1-L5/GEN2/ELP	1	Tủ	8
2.7.19	Tủ điện DB1-L5/W1/LP/FAN	1	Tủ	8
2.7.20	Tủ điện DB1-L5/W1/LP/FAN	1	Tủ	8
2.7.21	Tủ điện DB1-L5/GEN1/ELP/FAN	1	Tủ	8
2.7.22	Tủ điện DB1-L5/W3/LP/FAN	1	Tủ	8
2.7.23	Tủ điện DB1-L5/W4/LP/FAN	1	Tủ	8
2.7.24	Tủ điện DB1-L5/GEN2/ELP/FAN	1	Tủ	8
2.8	Hệ thống tủ điện - Tầng 6			
2.8.1	Tủ điện DB1-L6/LP	1	Tủ	8
2.8.2	Tủ điện DB1-L6/ELP	1	Tủ	8
2.8.3	Tủ điện DB2-L6/LP	1	Tủ	8
2.8.4	Tủ điện DB2-L6/ELP	1	Tủ	8
2.8.5	Tủ điện DB1-L6/W1/LP	1	Tủ	8
2.8.6	Tủ điện DB1-L6/W1/ELP	1	Tủ	8
2.8.7	Tủ điện DB1-L6/W1/UP	1	Tủ	8
2.8.8	Tủ điện DB1-L6/W2/LP	1	Tủ	8
2.8.9	Tủ điện DB1-L6/W2/ELP	1	Tủ	8
2.8.10	Tủ điện DB1-L6/W2/UP	1	Tủ	8
2.8.11	Tủ điện DB2-L6/W3/LP	1	Tủ	8
2.8.12	Tủ điện DB2-L6/W3/ELP	1	Tủ	8
2.8.13	Tủ điện DB2-L6/W3/UP	1	Tủ	8
2.8.14	Tủ điện DB2-L6/W4/LP	1	Tủ	8
2.8.15	Tủ điện DB2-L6/W4/ELP	1	Tủ	8
2.8.16	Tủ điện DB2-L6/W4/UP	1	Tủ	8
2.8.17	Tủ điện DB1-L6/GEN1/ELP	1	Tủ	8
2.8.18	Tủ điện DB1-L6/GEN2/ELP	1	Tủ	8
2.8.19	Tủ điện DB1-L6/W1/LP/FAN	1	Tủ	8
2.8.20	Tủ điện DB1-L6/W1/LP/FAN	1	Tủ	8
2.8.21	Tủ điện DB1-L6/GEN1/ELP/FAN	1	Tủ	8
2.8.22	Tủ điện DB1-L6/W3/LP/FAN	1	Tủ	8
2.8.23	Tủ điện DB1-L6/W4/LP/FAN	1	Tủ	8
2.8.24	Tủ điện DB1-L6/GEN2/ELP/FAN	1	Tủ	8
2.9	Hệ thống tủ điện - Tầng 7			

STT	Danh mục dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Số lần bảo trì (3 tháng/lần)
2.9.1	Tủ điện DB1-L7/LP	1	Tủ	8
2.9.2	Tủ điện DB1-L7/ELP	1	Tủ	8
2.9.3	Tủ điện DB2-L7/LP	1	Tủ	8
2.9.4	Tủ điện DB2-L7/ELP	1	Tủ	8
2.9.5	Tủ điện DB1-L7/W1/LP	1	Tủ	8
2.9.6	Tủ điện DB1-L7/W1/ELP	1	Tủ	8
2.9.7	Tủ điện DB1-L7/W1/UP	1	Tủ	8
2.9.8	Tủ điện DB1-L7/W2/LP	1	Tủ	8
2.9.9	Tủ điện DB1-L7/W2/ELP	1	Tủ	8
2.9.10	Tủ điện DB1-L7/W2/UP	1	Tủ	8
2.9.11	Tủ điện DB2-L7/W3/LP	1	Tủ	8
2.9.12	Tủ điện DB2-L7/W3/ELP	1	Tủ	8
2.9.13	Tủ điện DB2-L7/W3/UP	1	Tủ	8
2.9.14	Tủ điện DB2-L7/W4/LP	1	Tủ	8
2.9.15	Tủ điện DB2-L7/W4/ELP	1	Tủ	8
2.9.16	Tủ điện DB2-L7/W4/UP	1	Tủ	8
2.9.17	Tủ điện DB1-L7/GEN1/ELP	1	Tủ	8
2.9.18	Tủ điện DB1-L7/GEN2/ELP	1	Tủ	8
2.9.19	Tủ điện DB1-L7/W1/LP/FAN	1	Tủ	8
2.9.20	Tủ điện DB1-L7/W1/LP/FAN	1	Tủ	8
2.9.21	Tủ điện DB1-L7/GEN1/ELP/FAN	1	Tủ	8
2.9.22	Tủ điện DB1-L7/W3/LP/FAN	1	Tủ	8
2.9.23	Tủ điện DB1-L7/W4/LP/FAN	1	Tủ	8
2.9.24	Tủ điện DB1-L7/GEN2/ELP/FAN	1	Tủ	8
2.10	Hệ thống tủ điện - Tầng 8			
2.10.1	Tủ điện DB1-L8/LP	1	Tủ	8
2.10.2	Tủ điện DB1-L8/ELP	1	Tủ	8
2.10.3	Tủ điện DB2-L8/LP	1	Tủ	8
2.10.4	Tủ điện DB2-L8/ELP	1	Tủ	8
2.10.5	Tủ điện DB1-L8/W1/LP	1	Tủ	8
2.10.6	Tủ điện DB1-L8/W1/ELP	1	Tủ	8
2.10.7	Tủ điện DB1-L8/W1/UP	1	Tủ	8
2.10.8	Tủ điện DB1-L8/W2/LP	1	Tủ	8
2.10.9	Tủ điện DB1-L8/W2/ELP	1	Tủ	8
2.10.10	Tủ điện DB1-L8/W2/UP	1	Tủ	8
2.10.11	Tủ điện DB2-L8/W3/LP	1	Tủ	8
2.10.12	Tủ điện DB2-L8/W3/ELP	1	Tủ	8
2.10.13	Tủ điện DB2-L8/W3/UP	1	Tủ	8
2.10.14	Tủ điện DB2-L8/W4/LP	1	Tủ	8
2.10.15	Tủ điện DB2-L8/W4/ELP	1	Tủ	8

STT	Danh mục dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Số lần bảo trì (3 tháng/lần)
2.10.16	Tủ điện DB2-L8/W4/UP	1	Tủ	8
2.10.17	Tủ điện DB1-L8/GEN1/ELP	1	Tủ	8
2.10.18	Tủ điện DB1-L8/GEN2/ELP	1	Tủ	8
2.10.19	Tủ điện DB1-L8/W1/LP/FAN	1	Tủ	8
2.10.20	Tủ điện DB1-L8/W1/LP/FAN	1	Tủ	8
2.10.21	Tủ điện DB1-L8/GEN1/ELP/FAN	1	Tủ	8
2.10.22	Tủ điện DB1-L8/W3/LP/FAN	1	Tủ	8
2.10.23	Tủ điện DB1-L8/W4/LP/FAN	1	Tủ	8
2.10.24	Tủ điện DB1-L8/GEN2/ELP/FAN	1	Tủ	8
2.11	Hệ thống tủ điện - Tầng 9			
2.11.1	Tủ điện DB1-L9/LP	1	Tủ	8
2.11.2	Tủ điện DB1-L9/ELP	1	Tủ	8
2.11.3	Tủ điện DB2-L9/LP	1	Tủ	8
2.11.4	Tủ điện DB2-L9/ELP	1	Tủ	8
2.11.5	Tủ điện DB1-L9/W1/LP	1	Tủ	8
2.11.6	Tủ điện DB1-L9/W1/ELP	1	Tủ	8
2.11.7	Tủ điện DB1-L9/W1/UP	1	Tủ	8
2.11.8	Tủ điện DB1-L9/W2/LP	1	Tủ	8
2.11.9	Tủ điện DB1-L9/W2/ELP	1	Tủ	8
2.11.10	Tủ điện DB1-L9/W2/UP	1	Tủ	8
2.11.11	Tủ điện DB2-L9/W3/LP	1	Tủ	8
2.11.12	Tủ điện DB2-L9/W3/ELP	1	Tủ	8
2.11.13	Tủ điện DB2-L9/W3/UP	1	Tủ	8
2.11.14	Tủ điện DB2-L9/W4/LP	1	Tủ	8
2.11.15	Tủ điện DB2-L9/W4/ELP	1	Tủ	8
2.11.16	Tủ điện DB2-L9/W4/UP	1	Tủ	8
2.11.17	Tủ điện DB1-L9/GEN1/ELP	1	Tủ	8
2.11.18	Tủ điện DB1-L9/GEN2/ELP	1	Tủ	8
2.11.19	Tủ điện DB1-L9/W1/LP/FAN	1	Tủ	8
2.11.20	Tủ điện DB1-L9/W1/LP/FAN	1	Tủ	8
2.11.21	Tủ điện DB1-L9/GEN1/ELP/FAN	1	Tủ	8
2.11.22	Tủ điện DB1-L9/W3/LP/FAN	1	Tủ	8
2.11.23	Tủ điện DB1-L9/W4/LP/FAN	1	Tủ	8
2.11.24	Tủ điện DB1-L9/GEN2/ELP/FAN	1	Tủ	8
2.12	Hệ thống tủ điện - Tầng mái			
2.12.1	Tủ điện DB1-LR/HP	1	Tủ	8
2.12.2	Tủ điện DB2-LR/HP	1	Tủ	8
2.12.3	Tủ điện DB1-LR/HP.1	1	Tủ	8
2.12.4	Tủ điện DB2-LR/HP.1	1	Tủ	8
2.12.5	Tủ điện DB1-LR/HP.2	1	Tủ	8

STT	Danh mục dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Số lần bảo trì (3 tháng/lần)
2.12.6	Tủ điện DB2-LR/HP.2	1	Tủ	8
2.12.7	Tủ điện DB1-LR/HP.3	1	Tủ	8
2.12.8	Tủ điện DB2-LR/HP.3	1	Tủ	8
2.12.9	Tủ điện DB1-LR/HP.4	1	Tủ	8
2.12.10	Tủ điện DB2-LR/HP.4	1	Tủ	8
2.12.11	Tủ điện DB1-LR/HP.5	1	Tủ	8
2.12.12	Tủ điện DB2-LR/HP.5	1	Tủ	8
2.12.13	Tủ điện DB1-LR/LP	1	Tủ	8
2.12.14	Tủ điện DB1-LR/ELP	1	Tủ	8
2.12.15	Tủ điện DB2-LR/LP	1	Tủ	8
2.12.16	Tủ điện DB2-LR/ELP	1	Tủ	8
2.12.17	Tủ điện DB1-SAF	1	Tủ	8
2.12.18	Tủ điện DB1-SAF	1	Tủ	8
2.12.19	Tủ điện FSDB1-BLIFT	1	Tủ	8
2.12.20	Tủ điện FSDB1-PLIFT	1	Tủ	8
2.12.21	Tủ điện FSDB1-SLIFT	1	Tủ	8
2.12.22	Tủ điện FSDB2-BLIFT	1	Tủ	8
2.12.23	Tủ điện FSDB2-PLIFT	1	Tủ	8
2.12.24	Tủ điện FSDB2-SLIFT	1	Tủ	8
3	Hệ thống tủ điện khối nhà MO			
3.1	Tủ điện DB-MO	1	Tủ	8
4	Hệ thống tủ điện khối nhà bảo vệ			
4.1	Tủ điện DB-GH1.1	1	Tủ	8
4.2	Tủ điện DB-GH1.2	1	Tủ	8
4.3	Tủ điện DB-GH1.3	1	Tủ	8
4.4	Tủ điện DB-GH2.1	1	Tủ	8
4.5	Tủ điện DB-GH2.2	1	Tủ	8
4.6	Tủ điện DB-GH2.3	1	Tủ	8
4.7	Tủ điện DB-GH2.4	1	Tủ	8
4.8	Tủ điện DB-GH2.5	1	Tủ	8
5	Hệ thống busway			
5.1	Hệ thống Busway	1	Hệ	8

Cơ sở số 47 Nguyễn Huy Lượng, phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hệ thống tủ điện hạ thế:

STT	Danh mục dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Số lần bảo trì (3 tháng/lần)
1	Hệ thống tủ điện tầng Hầm			
1.1	Tủ điện DB.H	1	Tủ	8
1.2	Tủ điện DB.IRGT	1	Tủ	8
1.3	Tủ điện DB.BƠM NƯỚC	1	Tủ	8
2	Hệ thống tủ điện tầng Bán hầm			
2.1	Tủ điện DB.BH	1	Tủ	8
2.2	Tủ điện DB.TG	1	Tủ	8
2.3	Tủ điện MSB	1	Tủ	8
2.4	Tủ điện DB.HK	1	Tủ	8
3	Hệ thống tủ điện Tầng 1			
3.1	Tủ điện DB.T1	1	Tủ	8
4	Hệ thống tủ điện Tầng lửng	1	Tủ	8
4.1	Tủ điện DB.L	1	Tủ	8
5	Hệ thống tủ điện Tầng 2			
5.1	Tủ điện DB.T2	1	Tủ	8
6	Hệ thống tủ điện Tầng 3			
6.1	Tủ điện DB.T3	1	Tủ	8
7	Hệ thống tủ điện Tầng 4			
7.1	Tủ điện DB.T4	1	Tủ	8
7.2	Tủ điện DB.T4.P1	1	Tủ	8
7.3	Tủ điện DB.T4.P2	1	Tủ	8
7.4	Tủ điện DB.T4.P3	1	Tủ	8
7.5	Tủ điện DB.UPS.T4	1	Tủ	8
8	Hệ thống tủ điện Tầng 5			
8.1	Tủ điện DB.T5	1	Tủ	8
8.2	Tủ điện DB.UPS.T5	1	Tủ	8
8.3	Tủ điện DB.T5.P1	1	Tủ	8
9	Hệ thống tủ điện Tầng 6			
9.1	Tủ điện DB.T6	1	Tủ	8
9.2	Tủ điện DB.PM1	1	Tủ	8
9.3	Tủ điện DB.PM2	1	Tủ	8
9.4	Tủ điện DB.PM3	1	Tủ	8
9.5	Tủ điện DB.PM4	1	Tủ	8
9.6	Tủ điện DB.UPS.T6	1	Tủ	8
9.7	Tủ điện DB.T6.P3	1	Tủ	8
10	Hệ thống tủ điện Tầng 7			
10.1	Tủ điện DB.T7	1	Tủ	8

11	Hệ thống tủ điện Tầng mái			
11.1	Tủ điện DB.ST	1	Tủ	8
11.2	Tủ điện DB.AC	1	Tủ	8
11.3	Tủ điện DC.AC.VRV	1	Tủ	8
11.4	Tủ điện DB.TA	1	Tủ	8
11.5	Tủ điện DB.AC.AHU	1	Tủ	8
11.6	Tủ điện DB.TM.450&300Kg	1	Tủ	8
11.7	Tủ điện DB.TM.1.350&800Kg	1	Tủ	8
12	Hệ thống tủ điện Khuôn viên			
12.1	Tủ điện DB.CSCC	1	Tủ	8
12.2	Tủ điện DB.KYT	1	Tủ	8
12.3	Tủ điện DB.XLNT	1	Tủ	8

Cơ sở số 06 Nguyễn Huy Lượng, phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.



STT	Danh mục dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Số lần bảo trì (3 tháng/lần)
1	Hệ thống tủ điện Tầng hầm			
1.1	Tủ điện DB.HẦM	1	Tủ	8
2	Hệ thống tủ điện Tầng 1			
2.1	Tủ điện DB.MSB	1	Tủ	8
2.2	Tủ điện DB.T1	1	Tủ	8
2.3	Tủ điện DB.BOM NƯỚC MÁY TRANE	1	Tủ	8
2.4	Tủ điện DB.MÁY TÁCH NƯỚC	1	Tủ	8
2.5	Tủ điện DB.MÁY NÉN KHÍ.MÁY LẠNH GIA TỐC	1	Tủ	8
2.6	Tủ điện DB.MÁY NÉN KHÍ LỚN	1	Tủ	8
3	Hệ thống tủ điện Tầng 2			
3.1	Tủ điện DB.T2	1	Tủ	8
4	Hệ thống tủ điện Tầng 3			
4.1	Tủ điện DB.T3	1	Tủ	8
5	Hệ thống tủ điện Tầng 4			
5.1	Tủ điện DB.T4	1	Tủ	8
6	Hệ thống tủ điện Sân thượng			
6.1	Tủ điện DB.ST	1	Tủ	8
7	Hệ thống tủ điện Khuôn viên			
7.1	Tủ điện DB.TỦ BOM	1	Tủ	8
7.2	Tủ điện DB.TRẠM 400KVA	1	Tủ	8
7.3	Tủ điện DB.TRẠM 250KVA	1	Tủ	8
7.4	Tủ điện DB.TRẠM 1600KVA	1	Tủ	8
7.5	Tủ điện DB.BẢO VỆ CÔNG 2	1	Tủ	8
7.6	Tủ điện DB.BƠM NƯỚC	1	Tủ	8

Hệ thống điện trung thế:

STT	Danh mục dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Số lần bảo trì (6 tháng/lần)
1	MÁY BIẾN ÁP			
1.1	Máy biến áp 1600KVA	1	Bộ	4
1.2	Máy biến áp 400KVA	1	Bộ	4
1.3	Máy biến áp 250KVA	1	Bộ	4
1.4	Tủ RMU trung thế	3	Hệ	4
1.5	Tuyến cáp trung thế	3	Hệ	4

STT	Danh mục dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Số lần bảo trì (6 tháng/lần)
1.6	Bộ chuyển nguồn ATS	1	Bộ	4

Cơ sở số 03 Nơ Trang Long, phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh.

STT	Danh mục dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Số lần bảo trì (3 tháng/lần)
1	Hệ thống tủ điện Khu A			
1.1	Tủ điện DB.KHU A	1	Tủ	8
1.2	Tủ điện DB.TRỆT	1	Tủ	8
1.3	Tủ điện DB.T1	1	Tủ	8
1.4	Tủ điện DB.BƠM NƯỚC	1	Tủ	8
2	Hệ thống tủ điện Khu E			
2.1	Tủ điện DB.DK.BƠM NƯỚC MƯA	1	Tủ	8
2.2	Tủ điện DB.TỦ BƠM NƯỚC THẢI	1	Tủ	8
2.3	Tủ điện DB.KHU E	1	Tủ	8
2.4	Tủ điện DB.T1	1	Tủ	8
2.5	Tủ điện DB.T2	1	Tủ	8
2.6	Tủ điện DB.T3	1	Tủ	8
2.7	Tủ điện DB.T4	1	Tủ	8
2.8	Tủ điện DB.HÀM	1	Tủ	8
2.9	Tủ điện DB.TỦ BƠM SINH HOẠT	1	Tủ	8
3	Hệ thống tủ điện Khu C			
3.1	Tủ điện DB.BƠM NƯỚC	1	Tủ	8
4	Hệ thống tủ điện Trạm điện			
4.1	Tủ điện DB.TRẠM ĐIỆN	1	Tủ	8

Hệ thống điện trung thế:

STT	Danh mục dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Số lần bảo trì (6 tháng/lần)
1	Máy biến áp 1000 KVA	2	Bộ	4

1. Nội dung công việc: Bảo trì định kỳ

PHẠM VI CÔNG VIỆC BẢO TRÌ THÍ NGHIỆM TỦ TRUNG THẾ	
Hạng mục	Nội dung
1. Kiểm tra tổng quát	Kiểm tra phát hiện hư hỏng cho tất cả thiết bị.
2. Làm sạch tổng quát	Làm sạch bằng máy hút bụi và cùn công nghiệp tất cả các thiết bị, phòng điện.

3. Kiểm tra cáp và các đầu nối cáp	Kiểm tra và làm sạch cáp. Siết chặt các đầu nối cáp.
4. Kiểm tra cáp điều khiển phụ	Kiểm tra các thiết bị chỉ thị và điểm nối cáp điều khiển.
5. Kiểm tra thanh cái	Kiểm tra, làm sạch, siết chặt thanh cái. Đo điện trở cách điện.
6. Kiểm tra phần nối đất	Kiểm tra độ siết chặt của các mối nối. Đo điện trở đất tại các đầu nối chính.
7. Kiểm tra các thiết bị đóng cắt, phân cách điện, và hệ thống khóa liên động	Kiểm tra đảm bảo sự vận hành chính xác.
8. Bảo trì máy cắt	Thực hiện theo nội dung của máy cắt chân không
9. Bảo trì rơ-le bảo vệ	Thực hiện theo nội dung của rơ-le bảo vệ
10. Bảo trì biến dòng	Thực hiện theo nội dung của biến dòng
11. Bảo trì biến áp	Thực hiện theo nội dung của biến áp
12. Đo phóng điện	Đo phóng điện bằng phương pháp TEV + Ultrasound. Kỹ sư thực hiện có chứng chỉ đào tạo phù hợp.
13. Xuất báo cáo.	Xuất báo cáo với đề xuất cụ thể.
Đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định, liên tục.	

PHẠM VI CÔNG VIỆC BẢO TRÌ THÍ NGHIỆM MÁY CẮT TRUNG THỂ	
Hạng mục	Nội dung
1. Kiểm tra vận hành	Kiểm tra chức năng đóng cắt cơ điện.
2. Kiểm tra tiếp điểm cách ly và buồng dập hồ quang	Kiểm tra tình trạng tiếp điểm, làm sạch và bôi trơn. Kiểm tra tình trạng của cụm đầu nối. Kiểm tra độ mài mòn của các phần cố định và di động.
3. Kiểm tra cơ học	Kiểm tra, làm sạch và bôi trơn. Kiểm tra sự mài mòn và nứt gãy. Kiểm tra tất cả các khóa liên động cơ khí
4. Kiểm tra ốc trượt (đối với loại draw-out)	Làm sạch và bôi trơn.
5. Kiểm tra mạch điện chính	Đo điện trở tiếp xúc. (dòng định mức > 630A và chỉ cho loại drawout) Đo điện trở cách điện.
6. Xuất báo cáo	Xuất báo cáo với đề xuất cụ thể.
Đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định, liên tục.	

PHẠM VI CÔNG VIỆC BẢO TRÌ BIẾN DÒNG TRUNG THỂ (TI)

Hạng mục	Nội dung
1. Kiểm tra tổng quát	Kiểm tra điều kiện vật lý và những dấu hiệu ẩm ướt và phóng điện. Kiểm tra các mối nối vị trí và tiếp đất.
2. Kiểm tra cáp và các đầu nối cáp	Kiểm tra và làm sạch cáp. Siết chặt các đầu nối cáp bằng cần xiết lực.
3. Kiểm tra hộp kết nối nhị thứ	Kiểm tra tình trạng vỏ che hộp và ron cao su. Kiểm tra phần dây nhị thứ kết nối trong hộp
4. Kiểm tra sứ cách điện	Kiểm tra và phát hiện mọi nứt gãy trên tán sứ cách điện
5. Làm sạch tổng quát	Làm sạch bằng máy hút bụi và cùn công nghiệp
6. Kiểm tra cuộn dây	Đo cách điện cuộn dây – cuộn dây và cuộn dây – đất
7. Kiểm tra tỉ số biến	Đo tỉ số biến và độ chính xác của các cuộn dây
8. Xuất báo cáo	Xuất báo cáo với đề xuất phù hợp.
Đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định, liên tục.	

PHẠM VI CÔNG VIỆC BẢO TRÌ BIẾN ĐIỆN ÁP TRUNG THỂ (TU)

Hạng mục	Nội dung
1. Kiểm tra tổng quát	Kiểm tra điều kiện vật lý và những dấu hiệu ẩm ướt và phóng điện. Kiểm tra các mối nối vị trí và tiếp đất.
2. Kiểm tra cáp và các đầu nối cáp	Kiểm tra và làm sạch cáp. Siết chặt các đầu nối cáp bằng cần xiết lực.
3. Kiểm tra hộp kết nối nhị thứ	Kiểm tra tình trạng vỏ che hộp và ron cao su. Kiểm tra phần dây nhị thứ kết nối trong hộp
4. Kiểm tra sứ cách điện	Kiểm tra và phát hiện mọi nứt gãy trên tán sứ cách điện
5. Làm sạch tổng quát	Làm sạch bằng máy hút bụi và cùn công nghiệp tất cả các thiết bị, phòng điện.
6. Kiểm tra cuộn dây	Đo cách điện cuộn dây – cuộn dây và cuộn dây – đất
7. Kiểm tra tỉ số biến	Đo tỉ số biến và độ chính xác của các cuộn dây
8. Xuất báo cáo	Xuất báo cáo với đề xuất phù hợp.
Đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định, liên tục.	
PHẠM VI CÔNG VIỆC BẢO TRÌ THÍ NGHIỆM RƠ-LE BẢO VỆ	
Hạng mục	Nội dung



1. Kiểm tra vận hành	Kiểm tra và ghi nhận số hiệu, kiểu mẫu, phiên bản phần mềm quản trị và cấp điện áp điều khiển. Tải về và lưu trữ các sự kiện ghi nhận trong bộ ghi. Kiểm tra tình trạng của đèn LED kí hiệu và màn hình hiển thị. Kiểm tra và ghi nhận mật khẩu truy cập điều khiển rơ-le. Tải về những cài đặt bảo vệ trên rơ-le và so sánh với các giá trị tương ứng trên báo cáo tính toán bảo vệ.
2. Vệ sinh và siết tổng quát	Vệ sinh mặt che trước và làm sạch bụi bẩn trên vỏ nhựa tất cả các thiết bị, phòng điện. Kiểm tra siết chặt các kết nối. Kiểm tra cách điện cho dây tín hiệu điều khiển.
3. Kiểm tra chức năng bảo vệ	Kiểm tra chức năng bảo vệ quá dòng pha 50/51. Kiểm tra chức năng bảo vệ chạm đất 50N/51N. Kiểm tra chức năng bảo vệ quá điện áp 59. Kiểm tra chức năng bảo vệ thấp điện áp 27.
4. Xuất báo cáo	Xuất báo cáo với đề xuất cụ thể.
Đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định, liên tục.	

PHẠM VI CÔNG VIỆC BẢO TRÌ CẤP TRUNG THỂ	
Hạng mục	Nội dung
1. Kiểm tra tình trạng vật lý	Kiểm tra phần mở của đoạn cáp xác định hư hỏng vật lý, quá nhiệt và phóng điện vàng quang. Kiểm tra điểm đầu nối cáp xác định hư hỏng vật lý, quá nhiệt và phóng điện vàng quang.
2. Kiểm tra bọc giáp của cáp	Kiểm tra tình trạng nối đất của bọc giáp.
3. Kiểm tra hệ thống nâng đỡ cáp	Kiểm tra hệ thống dẫn và nâng đỡ của cáp.
4. Thử nghiệm chức năng phân điện	Đo điện trở cách điện. Thử nghiệm cao áp DC tần số thấp.
5. Đo phóng điện	Đo phóng điện bằng phương pháp Ultrasound. Kỹ sư thực hiện có chứng chỉ đào tạo phù hợp.
6. Xuất báo cáo	Xuất báo cáo với đề xuất cụ thể.
Đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định, liên tục.	
PHẠM VI CÔNG VIỆC BẢO TRÌ MÁY BIẾN ÁP	
Hạng mục	Nội dung

1. Kiểm tra tổng quát	Kiểm tra điều kiện vật lý và những dấu hiệu ẩm ướt và phóng điện Kiểm tra các mối nối vị trí và tiếp đất.
2. Làm sạch tổng quát.	Làm sạch bằng máy hút bụi và cùn công nghiệp tất cả các thiết bị, phòng điện.
3. Kiểm tra cáp và các đầu nối cáp	Kiểm tra và làm sạch cáp. Siết chặt các đầu nối cáp.
4. Kiểm tra tủ giám sát / điều khiển	Kiểm tra các thiết bị chỉ thị và điểm nối cáp điều khiển. Kiểm tra cài đặt điều khiển và báo hiệu nhiệt độ.
5. Kiểm tra cuộn dây	Đo cách điện cuộn dây – cuộn dây và cuộn dây – đất. Đo tỉ số biến đổi. Đo điện trở 1 chiều cuộn dây.
6. Kiểm tra quạt giải nhiệt	Kiểm tra chức năng và rung cơ khí của quạt.
7. Đo phóng điện	Đo phóng điện bằng phương pháp Ultrasound. Kỹ sư thực hiện có chứng chỉ đào tạo phù hợp.
8. Kiểm định	Thực hiện kiểm định định kỳ hàng năm.
9. Xuất báo cáo.	Xuất báo cáo với đề xuất cụ thể.
Đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định, liên tục.	

PHẠM VI CÔNG VIỆC BẢO TRÌ TỦ HẠ THỂ TỔNG	
Hạng mục	Nội dung
1. Kiểm tra tổng quát	Kiểm tra phát hiện hư hỏng cho tất cả thiết bị.
2. Làm sạch tổng quát	Làm sạch bằng máy hút bụi và cùn công nghiệp tất cả các thiết bị, phòng điện.
3. Kiểm tra cáp và các đầu nối cáp	Kiểm tra và làm sạch cáp. Siết chặt các đầu nối cáp.
4. Kiểm tra cáp điều khiển phụ	Kiểm tra các thiết bị chỉ thị và điểm nối cáp điều khiển.
5. Kiểm tra thanh cái	Kiểm tra, làm sạch, siết chặt thanh cái. Đo điện trở cách điện.
6. Kiểm tra phần nối đất	Kiểm tra độ siết chặt của các mối nối. Đo điện trở đất tại các đầu nối chính.
7. Kiểm tra các thiết bị đóng cắt, phần cách điện, và hệ thống khóa liên động	Kiểm tra đảm bảo sự vận hành chính xác.
8. Kiểm tra cầu chì	Kiểm tra sự thông mạch của cầu chì.

9. Quét nhiệt hồng ngoại	Dùng thiết bị chuyên dụng để chụp ảnh nhiệt phát hiện điểm nóng của các thiết bị trong tủ từng đợt bảo trì. Kỹ sư thực hiện có chứng nhận đào tạo phù hợp.
10. Xuất báo cáo	Xuất báo cáo với đề xuất cụ thể.
Đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định, liên tục.	

PHẠM VI CÔNG VIỆC BẢO TRÌ MÁY CẮT KHÔNG KHÍ HẠ THỂ	
Hạng mục	Nội dung
1. Kiểm tra vận hành	Kiểm tra chức năng đóng cắt cơ điện.
2. Kiểm tra tiếp điểm cách ly và buồng dập hồ quang	Kiểm tra tình trạng tiếp điểm, làm sạch và bôi trơn. Kiểm tra tình trạng của cụm đầu nối. Kiểm tra độ mài mòn của các phần cố định và di động.
3. Kiểm tra cơ học	Kiểm tra, làm sạch và bôi trơn. Kiểm tra sự mài mòn và nứt gãy.
4. Kiểm tra ốc trượt (đối với loại draw-out)	Làm sạch và bôi trơn.
5. Kiểm tra mạch điện chính	Đo điện trở tiếp xúc. Đo điện trở cách điện. Thí nghiệm trip unit.
6. Kiểm tra khung (chassis) loại draw-out	Kiểm tra tấm phân cách an toàn đảm bảo vận hành chính xác. Kiểm tra bộ phận gắn và tháo di động của máy cắt. Kiểm tra tất cả các khóa liên động cơ khí.
7. Xuất báo cáo	Xuất báo cáo với đề xuất cụ thể.
Đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định, liên tục.	

PHẠM VI CÔNG VIỆC BẢO TRÌ TỦ TỰ BÙ HẠ THỂ	
Hạng mục	Nội dung
1. Kiểm tra tổng quát	Kiểm tra phát hiện hư hỏng cho tất cả thiết bị.
2. Làm sạch tổng quát.	Làm sạch bằng máy hút bụi và cồn công nghiệp tất cả các thiết bị, phòng điện.
3. Kiểm tra cáp và các đầu nối cáp	Kiểm tra và làm sạch cáp. Siết chặt các đầu nối cáp.
4. Kiểm tra cáp điều khiển phụ.	Kiểm tra các thiết bị chỉ thị và điểm nối cáp điều khiển.
5. Kiểm tra thanh cái.	Kiểm tra, làm sạch, siết chặt thanh cái.

	Đo cách điện bằng thiết bị chuyên dụng megger.
6. Kiểm tra tụ điện	Kiểm tra độ siết chặt của các mối nối. Đo điện dung của tụ bù tại các cực nối.
7. Kiểm tra cuộn kháng.	Kiểm tra độ siết chặt của các mối nối.
8. Kiểm tra khởi động từ	Kiểm tra đảm bảo sự vận hành chính xác.
9. Kiểm tra bộ điều khiển tủ tụ bù.	Kiểm tra cài đặt và chức năng hoạt động bộ điều khiển
10. Quét nhiệt hồng ngoại	Dùng thiết bị chuyên dụng để chụp ảnh nhiệt phát hiện điểm nóng của các thiết bị trong tủ từng đợt bảo trì. Kỹ sư thực hiện có chứng nhận đào tạo phù hợp.
11. Xuất báo cáo.	Xuất báo cáo với đề xuất cụ thể.
Đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định, liên tục.	

PHẠM VI CÔNG VIỆC BẢO TRÌ TỦ HẠ THỂ PHÂN PHỐI	
Hạng mục	Nội dung
1. Kiểm tra tổng quát	Kiểm tra phát hiện hư hỏng cho tất cả thiết bị.
2. Làm sạch tổng quát.	Làm sạch bằng máy hút bụi và cùn công nghiệp tất cả các thiết bị, phòng điện.
3. Kiểm tra cáp và các đầu nối cáp	Kiểm tra và làm sạch cáp. Siết chặt các đầu nối cáp.
4. Kiểm tra cáp điều khiển phụ.	Kiểm tra các thiết bị chỉ thị và điểm nối cáp điều khiển.
5. Kiểm tra thanh cái.	Kiểm tra, làm sạch, siết chặt thanh cái. Đo cách điện bằng thiết bị chuyên dụng megger.
6. Quét nhiệt hồng ngoại	Dùng thiết bị chuyên dụng để chụp ảnh nhiệt phát hiện điểm nóng của các thiết bị trong tủ từng đợt bảo trì. Kỹ sư thực hiện có chứng nhận đào tạo phù hợp.
7. Xuất báo cáo.	Xuất báo cáo với đề xuất cụ thể.
Đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định, liên tục.	

PHẠM VI CÔNG VIỆC BẢO TRÌ BUSWAY	
Hạng mục	Nội dung
1. Kiểm tra tổng quát	- Kiểm tra phát hiện hư hỏng cho tất cả thiết bị.
2. Làm sạch tổng quát.	- Làm sạch bằng máy hút bụi và cùn công nghiệp.
3. Kiểm tra các đầu nối	- Kiểm tra và làm sạch; - Siết chặt các đầu nối.

4. Cân chỉnh Busway.	- Cân chỉnh lại Busway nếu có bất thường.
5. Quét nhiệt hồng ngoại	- Dùng thiết bị chuyên dụng để chụp ảnh nhiệt phát hiện điểm nóng của hệ thống Busway từng đợt bảo trì; - Kỹ sư thực hiện có chứng nhận đào tạo phù hợp.
6. Xuất báo cáo.	- Xuất báo cáo với đề xuất cụ thể.
Đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định, liên tục.	

❖ Phần xử lý sự cố bao gồm:

- Hỗ trợ kỹ thuật 24 giờ/ngày và 7 ngày/tuần khi có sự cố.
- Thời gian đáp ứng sự cố tối đa:
 - + 01 giờ trong giờ hành chính
 - + 02 giờ sau giờ làm việc, ngày Chủ nhật và ngày lễ.

Đơn vị thực hiện bảo trì có trách nhiệm liên hệ Công ty Điện lực Thủ Đức trong việc lên phương án ngắt điện để bảo hệ thống điện tại bệnh viện.